

Số: 3242/TTr-UBND

Bình Dương, ngày 04 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua Đề án thành lập các phường
Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa
thuộc thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 002044...
	Ngày: 07/07/2019
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là đô thị loại III;

Sau khi thực hiện quy trình tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Đề án thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Tân Uyên, trên cơ sở chuyển nguyên trạng diện tích, địa giới hành chính, dân số của các xã: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa, với những nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: VĨNH TÂN, PHÚ CHÁNH, TÂN VĨNH HIỆP, HỘI NGHĨA

1. Sự cần thiết thành lập phường Vĩnh Tân

Xã Vĩnh Tân nằm ở phía Tây Bắc thị xã Tân Uyên, diện tích tự nhiên 32,4116 km², dân số 22.212 người và 06 ấp, gồm: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5, Ấp 6. Hiện nay, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã Vĩnh Tân đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, toàn xã không có hộ nghèo xét theo tiêu chí của Trung ương, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 78,3%. Cơ cấu kinh tế của xã Vĩnh Tân theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trên địa bàn xã có Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP II A), với diện tích quy hoạch là 816 ha, trong đó có 159 dự án đầu tư: 16 dự án trong nước và 143 dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, có 43 công ty, doanh nghiệp nhỏ nằm ngoài khu công nghiệp hiện hữu. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã phát triển mạnh, toàn xã có 01 chợ và 440 hộ buôn bán tạp hóa, kinh doanh dịch vụ. Từ thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, có thể thấy mô hình quản lý nông thôn như hiện nay là không còn phù hợp. Do đó, xã Vĩnh Tân rất cần có mô hình chính quyền đô thị để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

2. Sự cần thiết thành lập phường Phú Chánh

Xã Phú Chánh nằm ở phía Tây thị xã Tân Uyên, có diện tích tự nhiên 7,9863 km², dân số 13.692 người và 04 ấp, gồm: Chánh Long, Phú Bung, Phú Trung, Phú Thọ. Hiện nay, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã Phú Chánh đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, toàn xã không có hộ nghèo xét theo tiêu chí của Trung ương, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 89,96%. Định hướng phát triển kinh tế của xã Phú Chánh đang theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trên địa bàn xã có Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, gồm 30 công ty đang hoạt động với khoảng hơn 8.000 công nhân. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã phát triển mạnh, toàn xã có 01 chợ, 487 cơ sở, hộ cá thể hoạt động sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, việc đề nghị thành lập phường Phú Chánh để phù hợp với địa bàn đô thị hóa và phát triển kinh tế công nghiệp - thương mại dịch vụ.

3. Sự cần thiết thành lập phường Tân Vĩnh Hiệp

Xã Tân Vĩnh Hiệp nằm ở phía Tây Nam thị xã Tân Uyên, có diện tích tự nhiên 9,0260 km², dân số 30.754 người và có 05 ấp, gồm: Tân An, Tân Hóa, Vĩnh Trường, Vĩnh An, Hóa Nhứt. Hiện nay, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã Tân Vĩnh Hiệp đã đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, toàn xã không có hộ nghèo xét theo tiêu chí của Trung ương, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 96,98%. Định hướng phát triển kinh tế của xã Tân Vĩnh Hiệp đang theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trên địa bàn xã có 186 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động. Bên cạnh công nghiệp, lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã phát triển mạnh, toàn xã có 01 chợ và khoảng 906 hộ kinh doanh cá thể. Mô hình quản lý nhà nước như hiện nay không còn phù

hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa cao của địa phương. Do đó, xã Tân Vĩnh Hiệp cần thiết có mô hình chính quyền đô thị để quản lý và điều hành quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

4. Sự cần thiết thành lập phường Hội Nghĩa

Xã Hội Nghĩa nằm ở phía Bắc thị xã Tân Uyên, có diện tích tự nhiên: 17,2629 km², dân số: 39.638 người và có 05 ấp, gồm: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5. Hiện nay, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã Hội Nghĩa đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra, toàn xã không có hộ nghèo xét theo tiêu chí của Trung ương, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 97,21%. Định hướng phát triển kinh tế của xã Hội Nghĩa đang theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Trên địa bàn xã hiện có 68 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động với nhiều ngành nghề khác nhau. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ của xã cũng phát triển mạnh, toàn xã có 02 chợ và 1.579 cơ sở, hộ kinh doanh cá thể. Vì vậy, mô hình quản lý nhà nước như hiện nay không còn phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa cao của địa phương, cần thiết phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý.

II. NỘI DUNG

1. Thành lập phường Vĩnh Tân

Phường Vĩnh Tân nằm ở phía Tây Bắc thị xã Tân Uyên, giới hạn từ 11°03'58" đến 11°09'17" vĩ độ Bắc và từ 106°41'27" đến 106°44'10" kinh độ Đông. Địa giới hành chính của phường Vĩnh Tân, như sau:

- Phía Đông giáp phường Tân Hiệp, xã Bình Mỹ (huyện Bắc Tân Uyên).
- Phía Tây giáp phường Chánh Phú Hòa và Hòa Lợi, thị xã Bến Cát; phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp xã Phú Chánh và phường Tân Hiệp.
- Phía Bắc giáp xã Tân Bình và xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên.

Thành lập phường Vĩnh Tân trên cơ sở chuyển nguyên trạng diện tích, địa giới hành chính, dân số của xã Vĩnh Tân. Phường Vĩnh Tân được thành lập có diện tích tự nhiên 32,4116 km², dân số 22.212 người và 06 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5 và khu phố 6.

2. Thành lập phường Phú Chánh

Phường Phú Chánh nằm ở phía Tây thị xã Tân Uyên, giới hạn từ 11°03'30" đến 11°05'43" vĩ độ Bắc và từ 106°41'18" đến 106°43'15" kinh độ Đông. Địa giới hành chính của phường Phú Chánh như sau:

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Tân, phường Tân Hiệp
- Phía Tây giáp phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp phường Tân Hiệp; phường Phú Tân (thành phố Thủ Dầu Một).

- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Tân; phường Hòa Phú (thành phố Thủ Dầu Một).

Thành lập phường Phú Chánh trên cơ sở chuyển nguyên trạng diện tích, địa giới hành chính, dân số của xã Phú Chánh. Phường Phú Chánh được thành lập có diện tích tự nhiên 17,2629 km², dân số 39.638 người và 4 khu phố: Chánh Long, Phú Bung, Phú Trung, Phú Thọ.

3. Thành lập phường Tân Vĩnh Hiệp

Phường Tân Vĩnh Hiệp nằm ở phía Tây Nam thị xã Tân Uyên, giới hạn từ 11°00'17" đến 11°02'06" vĩ độ Bắc và từ 106°41'57" đến 106°44'28" kinh độ Đông. Địa giới hành chính của phường Tân Vĩnh Hiệp như sau:

- Phía Đông giáp phường Khánh Bình và phường Tân Phước Khánh.
- Phía Tây giáp phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp phường Tân Phước Khánh; phường Phú Lợi (thành phố Thủ Dầu Một).
- Phía Bắc giáp phường Tân Hiệp.

Thành lập phường Tân Vĩnh Hiệp trên cơ sở chuyển nguyên trạng diện tích, địa giới hành chính, dân số của xã Tân Vĩnh Hiệp. Phường Tân Vĩnh Hiệp được thành lập có diện tích tự nhiên 9,0260 km², dân số 30.754 người và 05 khu phố: Tân An, Tân Hóa, Vĩnh Trường, Vĩnh An, Hóa Nhứt.

4. Thành lập phường Hội Nghĩa

Phường Hội Nghĩa nằm ở phía Bắc thị xã Tân Uyên, giới hạn từ 11°05'19" đến 11°08'30" vĩ độ Bắc và từ 106°44'24" đến 106°46'58" kinh độ Đông. Địa giới hành chính của phường Hội Nghĩa như sau:

- Phía Đông giáp phường Uyên Hưng; xã Tân Lập (huyện Bắc Tân Uyên).
- Phía Tây giáp phường Tân Hiệp; xã Bình Mỹ (huyện Bắc Tân Uyên).
- Phía Nam giáp phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng.
- Phía Bắc giáp xã Bình Mỹ và xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên.

Thành lập phường Hội Nghĩa trên cơ sở chuyển nguyên trạng diện tích, địa giới hành chính, dân số của xã Hội Nghĩa:

Xã Hội Nghĩa có diện tích tự nhiên 17,2629 km², dân số 39.638 người và 05 ấp dân cư, gồm các ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3, Ấp 4, Ấp 5.

III. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường Vĩnh Tân

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Tổng dân số xã Vĩnh Tân là 22.212 người. Trong đó:
- + Dân số thường trú thời điểm 31/12/2018: 9.144 người.

+ Dân số tạm trú (đã quy đổi) tính đến 31/12/2018: 13.068 người.

- Quy định về quy mô dân số của phường: 5.000 người trở lên.

- **Đánh giá: Đạt.**

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Vĩnh Tân hiện là: 32,4116 km².

- Quy định về diện tích tự nhiên của phường: 5,5 km² trở lên.

- **Đánh giá: Đạt.**

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

* *Cân đối thu chi ngân sách:*

- Năm 2018, tổng thu ngân sách xã Vĩnh Tân đạt 18,926 tỷ đồng, tổng chi ngân sách xã đạt 16,437 tỷ đồng. Như vậy, xã Vĩnh Tân cân đối thu chi ngân sách dư: 2,489 tỷ đồng.

- Quy định về cân đối thu chi ngân sách của phường: Đủ.

- **Đánh giá: Đạt.**

* *Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2016, 2017, 2018):*

- Theo tiêu chuẩn của Trung ương, trong 3 năm (2016-2018) tỉnh Bình Dương không còn hộ nghèo.

- **Đánh giá: Đạt.**

* *Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%):*

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (K) trên địa bàn xã Vĩnh Tân được tính theo công thức:

$$K = \frac{E_0}{E_t} \times 100$$

Trong đó:

+ E₀: Số lao động phi nông nghiệp (không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp) trên địa bàn xã Vĩnh Tân năm 2018 là 12.466 người.

+ E_t: Tổng số lao động thuộc các ngành kinh tế trên địa bàn xã Vĩnh Tân năm 2018 là 15.921 người.

+ $K = (12.466/15.921) \times 100\% = 78,3\%$.

- Quy định tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 70%.

- **Đánh giá: Đạt.**

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng đô thị

Đô thị Tân Uyên đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiêu chuẩn về hệ thống hạ tầng đô thị xã Vĩnh Tân quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 như bảng sau:

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	$\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$	3,18	Đạt
2	Trạm y tế ($\geq 500 \text{ m}^2/\text{trạm}$)	$\geq 1 \text{ trạm}/5.000 \text{ người}$	1	Đạt
3	Sân luyện tập ($\geq 3.000 \text{ m}^2$)	$\geq 0,5 \text{ m}^2/\text{người}$	2,05	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	$\geq 1 \text{ công trình}$	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$	6,8	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	$\geq 7 \text{ m}^2/\text{người}$	25	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	$\geq 350 \text{ kwh}/\text{người}/\text{năm}$	685	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	$\geq 90\%$	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	$\geq 3 \text{ km}/\text{km}^2$	6,5	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	$\geq 15\%$	15,5	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	$\geq 70\%$	95,38	Đạt

- Đánh giá: Đạt.

2. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường Phú Chánh

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Tổng dân số xã Phú Chánh là 13.692 người; trong đó:
- + Dân số thường trú thời điểm 31/12/2018: 5.955 người.
- + Dân số tạm trú (đã quy đổi) tính đến 31/12/2018: 7.737 người.
- Quy định về quy mô dân số của phường: 5.000 người trở lên.

- Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Phú Chánh hiện là: 7,9863 km².
- Quy định về diện tích tự nhiên của phường: 5,5 km² trở lên.
- **Đánh giá: Đạt.**

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

** Cân đối thu chi ngân sách:*

- Năm 2018, tổng thu ngân sách xã Phú Chánh đạt 15,778 tỷ đồng, tổng chi ngân sách xã đạt 11,966 tỷ đồng. Như vậy, xã Phú Chánh cân đối thu chi ngân sách dư: 3,812 tỷ đồng.

- Quy định về cân đối thu chi ngân sách của phường: Đủ.

- Đánh giá: Đạt.

** Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2016, 2017, 2018):*

- Theo tiêu chuẩn của Trung ương, trong 3 năm (2016-2018) tỉnh Bình Dương không còn hộ nghèo.

- Đánh giá: Đạt.

** Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%):*

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (K) trên địa bàn xã Phú Chánh được tính theo công thức:

$$K = \frac{E_0}{E_t} \times 100$$

Trong đó:

+ E₀: Số lao động phi nông nghiệp (không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp) trên địa bàn xã Phú Chánh năm 2018 là 8.838 người.

+ E_t: Tổng số lao động thuộc các ngành kinh tế trên địa bàn xã Phú Chánh năm 2018 là 9.824 người.

$$+ K = (8.838/9.824) \times 100\% = 89,96\%.$$

- Quy định tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 70%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng đô thị

Đô thị Tân Uyên đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiêu chuẩn về hệ thống hạ tầng đô thị xã Phú Chánh quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 như bảng sau:

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	$\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$	10,23	Đạt
2	Trạm y tế ($\geq 500 \text{ m}^2/\text{trạm}$)	$\geq 1 \text{ trạm}/5.000 \text{ người}$	1	Đạt
3	Sân luyện tập ($\geq 3.000 \text{ m}^2$)	$\geq 0,5 \text{ m}^2/\text{người}$	1,52	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	$\geq 1 \text{ công trình}$	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$	3,42	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	$\geq 7 \text{ m}^2/\text{người}$	32,9	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	$\geq 350 \text{ kwh}/\text{người}/\text{năm}$	630	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	$\geq 90\%$	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	$\geq 3 \text{ km}/\text{km}^2$	5	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	$\geq 15\%$	15,56	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	$\geq 70\%$	98,16	Đạt

- **Đánh giá: Đạt.**

3. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường Tân Vĩnh Hiệp

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Tổng dân số xã Tân Vĩnh Hiệp là 30.754 người; trong đó:
- + Dân số thường trú thời điểm 31/12/2018: 10.930 người.
- + Dân số tạm trú (đã quy đổi) tính đến 31/12/2018: 19.824 người.
- Quy định về quy mô dân số của phường: 5.000 người trở lên.

- **Đánh giá: Đạt.**

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Tân Vĩnh Hiệp hiện là: 9,0260 km².
- Quy định về diện tích tự nhiên của phường: 5,5 km² trở lên.

- **Đánh giá: Đạt.**

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

** Cân đối thu chi ngân sách:*

- Năm 2018, tổng thu ngân sách xã Tân Vĩnh Hiệp đạt 18,787 tỷ đồng, tổng chi ngân sách xã đạt 13,978 tỷ đồng. Như vậy, xã Tân Vĩnh Hiệp cân đối thu chi ngân sách dư: 4,809 tỷ đồng.

- Quy định về cân đối thu chi ngân sách của phường: Đủ.

- **Đánh giá: Đạt.**

** Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2016, 2017, 2018):*

- Theo tiêu chuẩn của Trung ương, trong 3 năm (2016-2018) tỉnh Bình Dương không còn hộ nghèo.

- **Đánh giá: Đạt.**

** Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%):*

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (K) trên địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp được tính theo công thức:

$$K = \frac{E_0}{E_t} \times 100$$

Trong đó:

+ E_0 : Số lao động phi nông nghiệp (không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp) trên địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp năm 2018 là 20.213 người.

+ E_t : Tổng số lao động thuộc các ngành kinh tế trên địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp năm 2018 là 20.842 người.

+ $K = (20.213/20.842) \times 100\% = 96,98\%$.

- Quy định tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 70%.

- **Đánh giá: Đạt.**

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng đô thị

Đô thị Tân Uyên đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiêu chuẩn về hệ thống hạ tầng đô thị xã Tân Vĩnh Hiệp quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 như bảng sau:

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	$\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$	10,23	Đạt
2	Trạm y tế ($\geq 500 \text{ m}^2/\text{trạm}$)	$\geq 1 \text{ trạm}/5.000 \text{ người}$	1	Đạt
3	Sân luyện tập ($\geq 3.000 \text{ m}^2$)	$\geq 0,5 \text{ m}^2/\text{người}$	1,52	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	$\geq 1 \text{ công trình}$	1	Đạt

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$	3,42	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	$\geq 7 \text{ m}^2/\text{người}$	32,9	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	$\geq 350 \text{ kwh}/\text{người}/\text{năm}$	630	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	$\geq 90\%$	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	$\geq 3 \text{ km}/\text{km}^2$	5	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	$\geq 15\%$	15,56	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	$\geq 70\%$	95,24	Đạt

- Đánh giá: Đạt.

4. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường Hội Nghĩa

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Tổng dân số xã Hội Nghĩa là 39.638 người; trong đó:
- + Dân số thường trú thời điểm 31/12/2018: 9.566 người.
- + Dân số tạm trú (đã quy đổi) tính đến 31/12/2018: 30.072 người.
- Quy định về quy mô dân số của phường: 5.000 người trở lên.

- Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Hội Nghĩa hiện là: 17,2629 km².
- Quy định về diện tích tự nhiên của phường: 5,5 km² trở lên.

- Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

*** Cân đối thu chi ngân sách:**

- Năm 2018, tổng thu ngân sách xã Hội Nghĩa đạt 16,165 tỷ đồng, tổng chi ngân sách xã đạt 13,147 tỷ đồng. Như vậy, xã Hội Nghĩa cân đối thu chi ngân sách dư: 3,018 tỷ đồng.

- Quy định về cân đối thu chi ngân sách của phường: Đủ.

- Đánh giá: Đạt.

* Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2016, 2017, 2018):

- Theo tiêu chuẩn của Trung ương, trong 3 năm (2016-2018) tỉnh Bình Dương không còn hộ nghèo.

- Đánh giá: Đạt.

* Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%):

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (K) trên địa bàn xã Hội Nghĩa được tính theo công thức:

$$K = \frac{E_0}{E_t} \times 100$$

Trong đó:

+ E_0 : Số lao động phi nông nghiệp (không thuộc ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp) trên địa bàn xã Hội Nghĩa năm 2018 là 23.916 người

+ E_t : Tổng số lao động thuộc các ngành kinh tế trên địa bàn xã Hội Nghĩa năm 2018 là 24.602 người.

+ $K = (23.916/24.602) \times 100\% = 97,21\%$.

- Quy định tiêu chuẩn tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 70%.

- Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng đô thị

Đô thị Tân Uyên đã được công nhận là đô thị loại III tại Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tiêu chuẩn về hệ thống hạ tầng đô thị xã Hội Nghĩa quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 như bảng sau:

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	$\geq 2,7 \text{ m}^2/\text{người}$	3,2	Đạt
2	Trạm y tế ($\geq 500 \text{ m}^2/\text{trạm}$)	$\geq 1 \text{ trạm}/5.000 \text{ người}$	1	Đạt
3	Sân luyện tập ($\geq 3.000 \text{ m}^2$)	$\geq 0,5 \text{ m}^2/\text{người}$	1,2	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	$\geq 1 \text{ công trình}$	02	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$	3,1	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	$\geq 7 \text{ m}^2/\text{người}$	15,98	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	$\geq 350 \text{ kwh}/\text{người}/\text{năm}$	535	Đạt

STT	Tiêu chuẩn	Quy định	Hiện trạng	Đánh giá
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	$\geq 90\%$	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh	$\geq 90\%$	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	$\geq 3 \text{ km/km}^2$	4,3	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	$\geq 15\%$	15,56	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	$\geq 70\%$	96,15	Đạt

Đánh giá: Đạt.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Qua đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH13 và Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13, xã Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa đã đáp ứng các điều kiện: tiêu chí của đô thị loại III; cân đối thu chi ngân sách; không còn hộ nghèo (trong 3 năm 2016, 2017, 2018); tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trên 70%, đủ điều kiện để lập hồ sơ, thủ tục trình các cấp có thẩm quyền đề nghị thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Tân Uyên theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Đề án thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Tân Uyên, trên cơ sở chuyển nguyên trạng địa giới hành chính, diện tích, dân số của các xã: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa.

(Gửi kèm theo Đề án thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Tân Uyên; dự thảo Nghị quyết) ./.

Nơi nhận: *K*

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND thị xã Tân Uyên;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, Lh. *V*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Số: /NQ-HĐND9

Bình Dương, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án thành lập các phường
Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa
thuộc thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương đến năm 2020, bổ sung quy hoạch đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là đô thị loại III;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Đề án thành lập phường Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-PC ngày / 6 /2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án thành lập các phường: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa thuộc thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương trên cơ sở chuyển

nguyên trạng diện tích tự nhiên, địa giới hành chính, dân số của các xã: Vĩnh Tân, Phú Chánh, Tân Vĩnh Hiệp, Hội Nghĩa, cụ thể như sau:

1. Thành lập phường Vĩnh Tân

a) Diện tích tự nhiên: 32,4116 km².

b) Dân số: 22.212 người:

c) Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp phường Tân Hiệp, xã Bình Mỹ (huyện Bắc Tân Uyên).
- Phía Tây giáp phường Chánh Phú Hòa và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát; phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp xã Phú Chánh và phường Tân Hiệp.
- Phía Bắc giáp xã Tân Bình và xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên.

d) Sau khi thành lập, phường Vĩnh Tân có 06 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 2., Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5 và khu phố 6.

2. Thành lập phường Phú Chánh

a) Diện tích tự nhiên: 7,9863 km².

b) Dân số: 13.692 người:

c) Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp xã Vĩnh Tân, phường Tân Hiệp
- Phía Tây giáp phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp phường Tân Hiệp và phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Bắc giáp xã Vĩnh Tân và phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một.

d) Sau khi thành lập, phường Phú Chánh có 04 khu phố gồm: Khu phố Chánh Long, Khu phố Phú Bưng, Khu phố Phú Trung, Khu phố Phú Thọ.

3. Thành lập phường Tân Vĩnh Hiệp

a) Diện tích tự nhiên: 9,0260 km².

b) Dân số: 30.754 người:

c) Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp phường Khánh Bình và phường Tân Phước Khánh.
- Phía Tây giáp phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Nam giáp phường Tân Phước Khánh, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một.
- Phía Bắc giáp phường Tân Hiệp.

d) Sau khi thành lập, phường Tân Vĩnh Hiệp có 05 khu phố gồm: Khu phố Tân An, Khu phố Tân Hóa, Khu phố Vĩnh Trường, Vĩnh An, Hóa Nhựt.

4. Thành lập phường Hội Nghĩa

a) Diện tích tự nhiên: 17,2629 km².

b) Dân số: 39.638 người:

c) Địa giới hành chính:

- Phía Đông giáp phường Uyên Hưng và xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên.
- Phía Tây giáp phường Tân Hiệp; xã Bình Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên.
- Phía Nam giáp phường Tân Hiệp và phường Uyên Hưng.
- Phía Bắc giáp xã Bình Mỹ và xã Tân Lập, huyện Bắc Tân Uyên.

d) Sau khi thành lập, phường Hội Nghĩa có 05 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ trình Chính phủ (qua thẩm định của Bộ Nội vụ) xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Văn phòng: TU, ĐĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH